

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10- 6 -2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung  
giữa chị L-anh Tr”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*Ông Đỗ Đức Nhân- Cán bộ hưu trí xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ.*

*Ông Đặng Ngọc Tân- Cán bộ trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Quỳnh Phụ.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐHPT-ST ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều L, sinh năm 1995.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Tr, sinh năm 1994.

Đều ở địa chỉ: Tổ 9x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nay là tổ 5x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Tr)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị Kiều L trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh Tr tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào

06/02/2018, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại thị trấn Q, huyện Q. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị xin được ly hôn anh Tr.

-Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/9/2019 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Anh Tr, tại biên bản ghi lời khai do Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với anh Tr tại gia đình, về quan hệ hôn nhân anh xác nhận lời khai của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị L đã khai, do anh đề nghị hòa giải đoàn tụ lên không đưa ra quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh Tr khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Tr biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Tr cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Tr vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh Tr. Về con chung: Xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên*

***tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 5x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Kiều L và anh Nguyễn Anh Tr được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 06/02/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh Tr đều sinh sống tại thị trấn Q, huyện Q và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh Tr. Còn đối với anh Tr khi Tòa án tiến hành lấy lời khai tại gia đình, anh có nguyện vọng hòa giải trở về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh Tr biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh Tr vẫn có tình vắng mặt. Như vậy anh Tr không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Qua xác minh cơ sở tổ dân phố số 5x và và cán bộ tư pháp thị trấn Q đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh Tr đã mâu thuẫn và sống ly thân đồng thời đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị L theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Tr là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị L về nuôi dưỡng con chung, qua điều tra và xác minh cho thấy con chung hiện tại dưới 36 tháng tuổi được chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cơ sở tổ dân phố số 5x và và cán bộ tư pháp thị trấn Q đều có ý kiến đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo đời sống con chung. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí và lệ phí tòa án: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết*

326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Anh Tr.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/9/2019 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tr có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị L và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004304 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái .
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**